

Hoàn thiện quy định tòa án từ chối xét xử khi có thỏa thuận trọng tài từ kinh nghiệm quốc tế

Nguyễn Minh Phú*



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

Viện Kinh tế - Xã hội thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Liên hệ

Nguyễn Minh Phú, Viện Kinh tế - Xã hội thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Email: nmphu080301@gmail.com

Lịch sử

- Ngày nhận: 05-8-2024
- Ngày sửa đổi: 22-03-2025
- Ngày chấp nhận: 17-4-2025
- Ngày đăng: 23-9-2025

DOI:

<https://doi.org/10.32508/stdjelm.v9i3.1455>



Bản quyền

© ĐHQG Tp.HCM. Đây là bài báo công bố mở được phát hành theo các điều khoản của the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



TÓM TẮT

Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khoá XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới đã ra nhiệm vụ “Xây dựng nền tư pháp chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính, phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân”, trong đó nhấn mạnh việc tiếp tục hoàn thiện cơ chế huy động nguồn lực xã hội nhằm phát triển Trọng tài, đồng thời xây dựng đội ngũ Trọng tài viên bảo đảm cả về số lượng lẫn chất lượng nghiệp vụ. Để làm được điều này, trước hết pháp luật trọng tài phải giải quyết hiệu quả các vấn đề phát sinh trong lĩnh vực tố tụng, cũng như có tính dự báo tốt khi đưa vào áp dụng. Ngày 17/6/2010 Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ban hành Luật Trọng tài thương mại năm 2010, đây là dấu mốc lớn bởi lần đầu tiên quy định về Trọng tài được luật hóa chính thức. Thời điểm đó, Luật Trọng tài thương mại năm 2010 cho thấy nhiều ưu điểm so với Pháp lệnh về Trọng tài thương mại năm 2003, tiêu biểu như việc xác định hợp lý hơn phạm vi giải quyết tranh chấp, hiệu lực pháp lý của phán quyết trọng tài, cũng như quy định về sự hỗ trợ của Tòa án đối với hoạt động tố tụng trọng tài được rõ ràng, chi tiết. Tuy vậy, hơn một thập kỷ áp dụng Luật Trọng tài thương mại năm 2010 dẫn bộc lộ hạn chế, đặc biệt là với vấn đề Tòa án phải từ chối thụ lý trong trường hợp có thỏa thuận trọng tài. Nhận thức rõ tình trạng trên, ngày 03/6/2024 Hội Luật gia Việt Nam trình Chính phủ Tờ trình số 186/TTr-HLVN để nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Trọng tài thương mại. Với mong muốn hỗ trợ Hội luật gia Việt Nam sửa đổi toàn diện Luật Trọng tài thương mại năm 2010, thực hiện hiệu quả tinh thần Nghị quyết số 27-NQ/TW, bài viết phân tích quy định về việc Tòa án phải từ chối xét xử khi có thỏa thuận trọng tài trong Luật mẫu UNCITRAL cùng pháp luật một số quốc gia như Ấn Độ, Trung Quốc, Đức; từ đó chắt lọc ra các quy tắc tiến bộ và đề xuất hướng giải quyết.

Từ khoá: thỏa thuận trọng tài, yêu cầu khởi kiện tại Tòa án, Luật mẫu

ĐẶT VẤN ĐỀ

Trọng tài là phương thức giải quyết tranh chấp ngoài Tòa án được thừa nhận rộng rãi; mặc dù mang bản chất tư duy nhiên hoạt động của Trọng tài luôn cần được hỗ trợ và giám sát bởi Tòa án¹. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy “Tòa án quốc gia đại diện cho một mối đe dọa tiềm năng cho tất cả các tổ chức trọng tài và đặc biệt là trọng tài thương mại quốc tế”², do đó cần phải có giới hạn cho sự can thiệp của Tòa án đối với Trọng tài. Điều này phần nào thể hiện qua quy định về mối liên hệ giữa thỏa thuận trọng tài và yêu cầu khởi kiện tại Tòa án. Theo đó, nếu đã có thỏa thuận trọng tài thì Tòa án sẽ không được giải quyết tranh chấp mà phải chuyển sang cho Trọng tài. Ở Việt Nam Điều 6 Luật Trọng tài thương mại năm 2010 đã có ghi nhận quy định trên “Trong trường hợp các bên tranh chấp đã có thỏa thuận trọng tài mà một bên khởi kiện tại Tòa án thì Tòa án phải từ chối thụ lý, trừ trường hợp thỏa thuận trọng tài vô hiệu hoặc thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được”. Mặc dù có nhiều tiến bộ so với văn

bản cũ, dấu vạy quy định của Luật Trọng tài thương mại năm 2010 vẫn chưa bảo đảm quyền lợi cho các bên liên quan, gây khó khăn cho quá trình thực hiện hiệu quả nhiệm vụ tư pháp của Tòa án. Cụ thể, thời điểm và chủ thể làm phát sinh chuyển vụ tranh chấp chưa được xác định hợp lý, cũng như còn thiếu tính dự báo trong quy định về tài liệu phải cung cấp khi chuyển tranh chấp từ Tòa án sang Trọng tài. Vì lẽ đó trên cơ sở nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về mối liên hệ giữa thỏa thuận trọng tài và yêu cầu khởi kiện tại Tòa án người viết mong muốn tìm kiếm một số giải pháp hữu ích, góp phần khắc phục những bất cập nói trên.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Bài viết đã sử dụng một số phương pháp nghiên cứu như sau: *Phương pháp nghiên cứu lịch sử* nhằm tìm hiểu về quá trình lập pháp cũng như những thay đổi trong quan điểm pháp lý của pháp luật Việt Nam và pháp luật nước ngoài, từ đó đưa ra nhận xét về xu hướng phát triển của những thay đổi đó; *Phương pháp*

Trích dẫn bài báo này: Phú N M. Hoàn thiện quy định tòa án từ chối xét xử khi có thỏa thuận trọng tài từ kinh nghiệm quốc tế. *Sci. Tech. Dev. J. - Eco. Law Manag.* 2025; 9(3):6226-6233.

nguyên cứu và phân tích luật viết nhằm luận giải ý nghĩa cũng như đưa ra cách áp dụng đúng đắn cho quy định pháp luật; *Phương pháp so sánh* khi so sánh nhằm đối chiếu giữa các điều luật, giữa các văn bản pháp luật và giữa luật trong nước và pháp luật nước ngoài với nhau; *Phương pháp phân tích* được sử dụng xuyên suốt bài viết nhằm đưa ra đánh giá, nhận định về các vấn đề; *Phương pháp tổng hợp* nhằm liên kết các thông tin từ các văn bản pháp luật có liên quan, một số sách, các công trình nghiên cứu có giá trị và tạp chí chuyên ngành; *Phương pháp nghiên cứu điển hình* được sử dụng khi phân tích các tình huống, ví dụ điển hình được nêu ra trong bài viết nhằm làm rõ quan điểm và lập luận.

KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

Mối liên hệ giữa thoả thuận trọng tài và yêu cầu khởi kiện tại Toà án trong Luật mẫu UNCITRAL và pháp luật một số quốc gia

Liên quan đến mối liên hệ giữa thoả thuận trọng tài và yêu cầu khởi kiện tại Toà án, khoản 1 Điều 8 Luật mẫu UNCITRAL quy định “*Toà án nơi tiến hành vụ kiện có đối tượng thuộc thoả thuận trọng tài phải chuyển các bên sang giải quyết tại Trọng tài nếu một bên yêu cầu việc này không trễ hơn thời điểm trình tuyên bố đầu tiên về nội dung tranh chấp, trừ trường hợp thoả thuận trọng tài vô hiệu, không có hiệu lực hoặc không thể thực hiện được*” (A court before which an action is brought in a matter which is the subject of an arbitration agreement shall, if a party so requests not later than when submitting his first statement on the substance of the dispute, refer the parties to arbitration unless it finds that the agreement is null and void, inoperative or incapable of being performed). Đây là nguyên tắc được lấy hình mẫu từ Điều II(3) Công ước New York năm 1958, ở đó Toà án buộc phải chuyển các bên sang giải quyết tại Trọng tài nếu nhận thấy yêu cầu khởi kiện có nội dung trùng với đối tượng thoả thuận trọng tài (ngoại trừ trường hợp thoả thuận được đề cập không còn giá trị ràng buộc các bên). Lúc này, vấn đề chuyển vụ tranh chấp phụ thuộc nhiều vào việc một bên nộp đơn yêu cầu không trễ hơn thời điểm anh ta trình Toà án tuyên bố đầu tiên về nội dung tranh chấp. Giả sử, nếu một quốc gia chấp thuận điều khoản này theo như sự chấp thuận Luật mẫu UNCITRAL, quy định về chuyển vụ tranh chấp sẽ không chỉ mang tính ràng buộc với Toà án thuộc quốc gia đó mà còn với toàn bộ hệ thống trọng tài đang hiện hữu. Nhờ vậy, quy định về chuyển vụ tranh chấp của UNCITRAL sẽ có giá trị nhận diện toàn cầu, ảnh hưởng mạnh mẽ các thoả thuận trọng tài quốc tế.

Hiện nay, quy định Luật mẫu UNCITRAL về mối liên hệ giữa thoả thuận trọng tài và yêu cầu khởi kiện tại

Toà án được thừa nhận phổ biến trong pháp luật quốc nội, tiêu biểu như ở Ấn Độ khoản 1 Điều 8 Đạo luật Trọng tài và Hoà giải năm 1996 quy định tương tự Luật mẫu UNCITRAL “*Cơ quan tư pháp nơi tiến hành vụ kiện có đối tượng thuộc thoả thuận trọng tài phải chuyển các bên sang giải quyết tại Trọng tài nếu một bên trong thoả thuận trọng tài hoặc bất kỳ chủ thể nào thông qua hoặc dựa trên anh ta yêu cầu việc này không trễ hơn điểm trình tuyên bố đầu tiên về nội dung tranh chấp bất kể trước đó đã có bản án, quyết định hoặc lệnh của Toà án tối cao hoặc bất kỳ Toà án nào khác, trừ trường hợp ngay từ đầu đã không tồn tại thoả thuận trọng tài hợp lệ*” (A judicial authority, before which an action is brought in a matter which is the subject of an arbitration agreement shall, if a party to the arbitration agreement or any person claiming through or under him, so applies not later than when submitting his first statement on the substance of the dispute, then, notwithstanding any judgment, decree or order of the Supreme Court or any Court, refer the parties to arbitration unless it finds that prima facie no valid arbitration agreement exists). Quy định này được cơ quan tư pháp Ấn Độ vận dụng nhiều khi giải quyết các tranh chấp phát sinh từ hoạt động thương mại mà ở đó cần có sự phân định thẩm quyền giữa Trọng tài và Toà án. Việc tìm hiểu, phân tích thực tiễn pháp lý liên quan đến quy định trên sẽ giúp cung cấp cái nhìn tổng quan cũng như làm rõ các yếu tố mà pháp luật thành văn chưa giải thích cụ thể. Về vấn đề này, Bản án ngày 28/3/2000 của Toà án tối cao Ấn Độ giải quyết tranh chấp giữa Anand Gajapathi Raju and Others với P.V.G. Raju (Dead) and Others nổi lên như một hình mẫu tiêu biểu trong giải thích quy định khoản 1 Điều 8 Đạo luật Trọng tài và Hoà giải năm 1996.

Theo tình tiết vụ việc, trong thời gian chờ phúc thẩm các bên tranh chấp đã thiết lập một thoả thuận trọng tài và họ thống nhất rằng sẽ chuyển tranh chấp của mình cùng với những vấn đề khác có liên quan sang cho ông Ranganathan, một cựu thẩm phán đang hoạt động với tư cách Trọng tài viên giải quyết. Thoả thuận trọng tài này được lập dưới hình thức đơn thư và được ký kết bởi tất cả các bên, nó cũng đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo Điều 7 Đạo luật Trọng tài và Hoà giải năm 1996. Dù vậy, câu hỏi đặt ra là liệu Toà án phúc thẩm có thể chuyển vụ kiện sang cho Trọng tài theo Đạo luật hiện hành trong khi thoả thuận trọng tài này chỉ mới được lập sau khi Toà án đã thụ lý tranh chấp? Để trả lời câu hỏi trên, Toà án tối cao đã viện dẫn cụm từ “*là đối tượng của thoả thuận trọng tài*” (which is the subject of an arbitration agreement) tại khoản 1 Điều 8 Đạo luật Trọng tài và Hoà giải năm 1996 và giải thích rằng cụm từ trên không nhất thiết được phân tích theo hướng thoả thuận trọng tài được lập trước khi tranh

chấp được đem đến giải quyết tại Toà án mà ngược lại nó phải được hiểu rộng hơn bao hàm cả trường hợp thoả thuận trọng tài được lập trong khi vụ kiện đang được giải quyết bởi Toà án³. Từ lập luận này Toà án tối cao cho phép Toà án phúc thẩm chuyển vụ kiện của các bên sang giải quyết tại Trọng tài.

Một điểm đáng chú ý là trong Bản án trên, Toà án tối cao Ấn Độ còn giải thích thêm các điều kiện cần đáp ứng để thực hiện chuyển vụ tranh chấp⁴; xuất phát từ sự tương đồng về tính chất, nội dung này có thể sử dụng để làm rõ quy định Luật mẫu UNCITRAL. Những điều kiện phải được đáp ứng tại khoản 1 Điều 8 Đạo luật Trọng tài và Hoà giải năm 1996 bao gồm: (i) Có thoả thuận trọng tài (there is an arbitration agreement); (ii) Một bên trong thoả thuận đã khởi kiện ra Toà án (a party to the agreement brings an action in the Court against the other party); (iii) Đối tượng vụ kiện giống với đối tượng thoả thuận trọng tài (subject matter of the action is the same as the subject matter of the arbitration agreement); và (iv) Bên còn lại đã yêu cầu Toà án chuyển vụ tranh chấp sang giải quyết tại Trọng tài không trễ hơn thời điểm trình tuyên bố đầu tiên về nội dung tranh chấp (the other party moves the Court for referring the parties to arbitration not later than when submitting his first statement on the substance of the dispute). Thấy rằng, điều kiện cuối đã tạo ra một quyền mà ở đó bên khởi kiện tại Toà vẫn có thể duy trì quyền xét xử của Toà án nếu bên muốn chuyển vụ tranh chấp sang Trọng tài yêu cầu việc này sau khi đã nộp tuyên bố đầu tiên của anh ta về nội dung tranh chấp. Tuy nhiên, nếu bên yêu cầu chuyển vụ tranh chấp sang Trọng tài thực hiện yêu cầu sau khi đã trình tuyên bố đầu tiên về nội dung tranh chấp nhưng bên khởi kiện tại Toà án không phản đối thì Toà án cũng buộc phải chuyển vụ kiện này cho Trọng tài giải quyết⁵.

Liên quan cụm từ “không trễ hơn thời điểm trình tuyên bố đầu tiên về nội dung tranh chấp” (not later than when submitting his first statement on the substance of the dispute) tại điều kiện (iv), các Toà án Ấn Độ vẫn chưa có cách giải thích thống nhất. Dù vậy, xét về tính khả dụng Bản án ngày 21/12/2016 của Toà án cấp cao Delhi giải quyết tranh chấp giữa Krishan Radhu với Emaar MGF Construction (P) Ltd. có thể được vận dụng làm rõ. Mở đầu vụ kiện, Toà án đã chỉ ra quy định về chuyển vụ tranh chấp sang giải quyết tại Trọng tài đã thay đổi theo Đạo luật sửa đổi, bổ sung một số điều Đạo luật Trọng tài và Hoà giải vào năm 2015. Cụ thể, cụm từ “không trễ hơn thời điểm trình tuyên bố đầu tiên về nội dung tranh chấp” được thay thế bằng cụm từ “không trễ hơn ngày trình tuyên bố đầu tiên về nội dung tranh chấp” (not later than the date of submitting his first statement on the substance of the dispute). Về cơ bản, ý nghĩa điều luật không thay đổi

mà thực tế việc này chủ yếu giúp cơ quan tài phán xác định đúng hơn thời điểm được đề cập sẽ là một ngày cụ thể mà thôi. Để hiểu hơn giới hạn thời gian, trước hết Toà án cấp cao Delhi phân tích các đặc tính của “tuyên bố đầu tiên về nội dung tranh chấp” qua việc giải thích sự khác biệt giữa nộp đơn yêu cầu chuyển tranh chấp sang giải quyết tại Trọng tài và nộp đơn để trình tuyên bố đầu tiên về nội dung tranh chấp. Khi nộp đơn yêu cầu chuyển tranh chấp sang giải quyết tại Trọng tài, bên có yêu cầu phải viện dẫn điều khoản trọng tài và có đơn gửi đến Toà án xem xét. Trường hợp này đơn yêu cầu không cần phải thể hiện dưới hình thức văn bản cũng như chứa đựng bất kỳ câu trả lời nào về nội dung tranh chấp. Ngược lại, trường hợp trình tuyên bố đầu tiên về nội dung tranh chấp, đơn gửi đến Toà án phải được lập dưới hình thức văn bản và phải chứa đựng câu trả lời liên quan đến nội dung tranh chấp, lúc này đơn của bên đó được xem như một tuyên bố từ bỏ quyền chuyển vụ tranh chấp; nói cách khác, lúc này bị đơn đã “*ứng thuận thẩm quyền xét xử của Toà án*”⁶ (acquiescence of the jurisdiction of the Court).

Về cụm từ “không trễ hơn ngày”, Toà án viện dẫn Chương VIII Quy tắc 1 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 1908 và giải thích rằng nếu bị đơn nhận được quyết định triệu tập của Toà án thì trong thời gian 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định trên anh ta phải trả lời yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn dưới hình thức văn bản. Phù hợp với mục đích của pháp luật trọng tài hiện hành, giai đoạn này được hiểu là khoảng thời gian mà “tuyên bố đầu tiên về nội dung tranh chấp” phải được trình. Dĩ nhiên, khoảng thời gian 30 ngày có thể được gia hạn khi bị đơn yêu cầu với những lý do chính đáng; trường hợp được gia hạn, yêu cầu trên phải được ghi nhận dưới hình thức văn bản. Tuy nhiên, sự gia hạn được cho là không thể vượt quá con số 90 ngày theo như mức tối đa được quy định trong các vụ kiện dân sự thông thường hoặc 120 ngày theo như mức tối đa được quy định trong các vụ kiện thương mại⁷. Từ đây Toà án kết luận rằng cụm từ “không trễ hơn ngày” có nghĩa là không trễ hơn ngày bị đơn thực sự trình tuyên bố đầu tiên về nội dung tranh chấp hoặc không trễ hơn ngày cuối cùng được phép trình tuyên bố trên. Thông thường khi kết thúc thời hạn này phiên toà giải quyết tranh chấp sẽ bắt đầu; do đó có thể giải thích cụm từ “không trễ hơn ngày trình tuyên bố đầu tiên về nội dung tranh chấp” đồng nghĩa với “trước khi phiên toà diễn ra”.

Quy định về thời hạn chuyển vụ tranh chấp này được thừa nhận phổ biến tại các quốc gia. Đơn cử như Trung Quốc tại Điều 26 Luật Trọng tài năm 1995 quy định nếu các bên đã có thoả thuận trọng tài mà một bên lại khởi kiện ra Toà án nhưng không thông báo về

sự tồn tại của thoả thuận trọng tài này, thì sau khi Toà án thụ lý vụ án, nếu bên kia trình thoả thuận trọng tài trước phiên toà sơ thẩm, Toà án sẽ đình chỉ vụ án, ngoại trừ trường hợp thoả thuận trọng tài vô hiệu hoặc không thể thực hiện được. Tuy nhiên, nếu trước phiên toà sơ thẩm, bên kia không có yêu cầu phản đối việc thụ lý của Toà án, anh ta sẽ được hiểu là đã từ bỏ thoả thuận trọng tài và Toà án sẽ được tiếp tục xét xử vụ án. Hay như ở Đức khoản 1 Điều 1032 Bộ luật Tố tụng dân sự ghi nhận nếu việc khởi kiện về một vấn đề thuộc đối tượng của thoả thuận trọng tài được đưa ra trước Toà và bị đơn đã đưa ra phản đối trước khi bắt đầu phiên toà dựa trên nội dung vụ tranh chấp, Toà án sẽ phải từ chối việc khởi kiện do không có thẩm quyền giải quyết, ngoại trừ trường hợp Toà án nhận thấy thoả thuận trọng tài vô hiệu hoặc không thể thực hiện được.

Sau khi sửa đổi vào năm 2015, Đạo luật Trọng tài và Hoà giải năm 1996 của Ấn Độ đã làm rõ hơn các yêu cầu đối với bên nộp đơn chuyển vụ tranh chấp sang giải quyết tại Trọng tài. Theo đó, khoản 2 Đạo luật này quy định “Đơn được đề cập tại khoản 1 sẽ không thể xử lý trừ trường hợp nó được đính kèm bản gốc thoả thuận trọng tài hoặc bản sao chứng thực hợp lệ. Nếu bản gốc thoả thuận trọng tài hoặc bản sao chứng thực hợp lệ không được giữ bởi bên có yêu cầu chuyển tranh chấp theo khoản 1 và thoả thuận được đề cập hoặc bản sao chứng thực hợp lệ bị giữ bởi bên còn lại thì bên nộp đơn chuyển tranh chấp sẽ nộp đơn này cùng với bản sao thoả thuận trọng tài, đồng thời kiến nghị Toà án yêu cầu bên còn lại trình bản gốc thoả thuận trọng tài hoặc bản sao chứng thực hợp lệ trước Toà” (The application referred to in sub-section (1) shall not be entertained unless it is accompanied by the original arbitration agreement or a duly certified copy thereof: Provided that where the original arbitration agreement or a certified copy thereof is not available with the party applying for reference to arbitration under sub-section (1), and the said agreement or certified copy is retained by the other party to that agreement, then, the party so applying shall file such application along with a copy of the arbitration agreement and a petition praying the Court to call upon the other party to produce the original arbitration agreement or its duly certified copy before that Court). So với văn bản cũ, điều khoản hiện hành bổ sung cách giải quyết khi bên yêu cầu chuyển vụ tranh chấp không thể nộp bằng chứng vì lý do khách quan. Cụ thể là thoả thuận trọng tài bản gốc hoặc bản sao chứng thực hợp lệ đã bị giữ bởi bên kia, trường hợp này bên yêu cầu chuyển vụ tranh chấp không buộc giao các tài liệu trên mà anh ta chỉ cần trình đơn yêu cầu và bản sao thoả thuận trọng tài. Việc trình thoả thuận trọng tài bản gốc hoặc bản sao

chứng thực hợp lệ sẽ được giao về cho bên khởi kiện khi kiến nghị của bên yêu cầu được Toà án chấp nhận.

Một số gợi mở cho Việt Nam

Thứ nhất, thay đổi cách thức xử lý trong trường hợp Tòa án tiếp nhận đơn khởi kiện thuộc thẩm quyền của Trọng tài

Điều 6 Luật Trọng tài thương mại năm 2010 quy định “Trong trường hợp các bên tranh chấp đã có thoả thuận trọng tài mà một bên khởi kiện tại Toà án thì Toà án phải từ chối thụ lý, trừ trường hợp thoả thuận trọng tài vô hiệu hoặc thoả thuận trọng tài không thể thực hiện được”. Với tính chất là văn bản quy định chi tiết Luật Trọng tài thương mại năm 2010, điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP đã cho thấy rõ hơn hậu quả pháp lý của trường hợp trên. Theo đó, nếu đã có thoả thuận trọng tài thì Tòa án phải từ chối thụ lý và trả lại đơn khởi kiện cùng các tài liệu kèm theo cho người khởi kiện. Cách thức giải quyết này cũng được quy định thống nhất trong pháp luật tố tụng dân sự, cụ thể điểm d khoản 1 Điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định nếu Thẩm phán xét thấy yêu cầu của người khởi kiện không thuộc thẩm quyền của Tòa án thì phải từ chối thụ lý và trả lại đơn khởi kiện.

Theo như khoản 2 Điều 3 Luật Trọng tài thương mại năm 2010 thì “Thoả thuận trọng tài là thoả thuận giữa các bên về việc giải quyết bằng Trọng tài tranh chấp có thể phát sinh hoặc đã phát sinh”. Thấy rằng với bản chất là một thoả thuận tư, thoả thuận trọng tài thường chỉ được biết đến bởi các bên tham gia và việc chủ thể khác có thể nhận thức được sự tồn tại của thoả thuận này phụ thuộc nhiều vào các thông tin mà chủ thể tham gia cung cấp. Đặc tính này vô hình trung gây ra nhiều khó khăn cho Toà án trong xác định liệu đã có thoả thuận trọng tài đối với vụ tranh chấp hay chưa. Hiện nay khoản 2 Điều 3 Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP có quy định khi có yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp phát sinh trong lĩnh vực tại Điều 2 Luật Trọng tài thương mại năm 2010 thì Tòa án yêu cầu một hoặc các bên cho biết tranh chấp đó các bên có thoả thuận trọng tài hay không. Quy định này giúp hạn chế tối đa tình trạng sau khi thụ lý và giải quyết tranh chấp Toà án mới phát hiện đã có thoả thuận trọng tài giữa các bên, dù vậy ở đây văn bản trên chỉ buộc Toà án “yêu cầu một hoặc các bên”; tức là việc quyết định hỏi ai và hỏi bao nhiêu người sẽ được quyết định bởi Thẩm phán. Đặt trường hợp nếu Toà án chỉ hỏi một bên mà bên này mong muốn tranh chấp được giải quyết tại Toà án nên giấu đi thoả thuận trọng tài được ký kết thì rất khó để Toà án biết được đã có tồn tại thoả thuận trọng tài trên thực tế. Mặt khác, dù có

hỏi cả hai bên trong tranh chấp nhưng tại thời điểm tranh chấp xảy ra cả hai đều mong muốn đưa vụ việc xử lý tại Tòa án nên không trình thoả thuận trọng tài thì Tòa án cũng rất khó phát hiện vấn đề. Với tinh thần dự liệu trước tình huống này, điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP đã có quy định trường hợp sau khi thụ lý vụ án Tòa án mới phát hiện vụ tranh chấp đã có thoả thuận trọng tài thì Tòa án ra quyết định đình chỉ việc giải quyết vụ án, trả lại đơn khởi kiện và các tài liệu gửi kèm theo đơn khởi kiện cho người khởi kiện; điều này cũng được ghi nhận tương tự tại điểm g khoản 1 và khoản 3 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Có thể thấy, pháp luật trọng tài Việt Nam ghi nhận tương đối đầy đủ cách thức xử lý cho trường hợp Tòa án nhận đơn khởi kiện thuộc thẩm quyền của Trọng tài. Tuy vậy, khi so sánh với pháp luật nước ngoài ta lại phần nào cảm thấy được sự tiến bộ và hiệu quả hơn. Theo đó, khoản 1 Điều 8 Luật mẫu UNCITRAL, khoản 1 Điều 8 Đạo luật Trọng tài và Hoà giải năm 1996 của Ấn Độ, Điều 26 Luật Trọng tài năm 1995 của Trung Quốc hay khoản 1 Điều 1032 Bộ luật Tố tụng dân sự Đức đều quy định Tòa án phải chuyển vụ tranh chấp sang cho Trọng tài chứ không tự mình trả lại đơn cho người khởi kiện tự giải quyết. Quy định này giúp quá trình giải quyết tranh chấp giữa các bên được thuận tiện và nhanh chóng hơn bởi lẽ khi Tòa án chuyển trực tiếp yêu cầu khởi kiện sang Trọng tài người khởi kiện không cần di chuyển đến Trung tâm trọng tài hoặc nơi có Trọng tài viên và thực hiện các thủ tục tiếp sau để yêu cầu Trọng tài giải quyết tranh chấp mà trường hợp này chỉ cần dựa trên tài liệu được Tòa án cung cấp Trọng tài sẽ bắt đầu ngay quá trình tố tụng.

Thứ hai, sửa điều kiện về thời điểm và chủ thể làm phát sinh việc chuyển tranh chấp từ Tòa án sang Trọng tài

Qua tham khảo kinh nghiệm của một số quốc gia, quy định Luật Trọng tài thương mại năm 2010 tỏ ra hơi cứng nhắc khi tước đoạt hoàn toàn thẩm quyền xét xử của Tòa án khi có thoả thuận trọng tài; việc này gây ảnh hưởng không tốt đến lợi ích các bên cũng như làm tổn hại đến tính hiệu quả của cơ quan xét xử. Từ thực tiễn áp dụng pháp luật của Ấn Độ cũng như Điều 26 Luật Trọng tài năm 1995 của Trung Quốc và khoản 1 Điều 1032 Bộ luật Tố tụng dân sự của Đức, rõ ràng khi Tòa án đã thụ lý vụ tranh chấp sau đó mới biết được đã có tồn tại thoả thuận trọng tài thì việc đình chỉ xét xử chỉ thực sự khả thi nếu bên tham gia còn lại đưa ra sự phản đối thẩm quyền trước khi phiên toà diễn ra. Nguyên tắc này tỏ ra phù hợp hơn so với quy

định về loại trừ thẩm quyền một cách tuyệt đối trong pháp luật Việt Nam. Bởi lẽ, để một phiên toà được tiến hành trên thực tế, đòi hỏi việc khởi kiện phải trải qua một quá trình chuẩn bị cần trọng và lâu dài. Thế nên, nếu Tòa án bị tước quyền xét xử khi đang giải quyết tranh chấp sẽ gây lãng phí thời gian, công sức cho các bên liên quan⁸. Ngoài ra, tình trạng trên nếu diễn ra với tần suất lớn còn gây ảnh hưởng tiêu cực đến tính hiệu quả của hoạt động xét xử tại Tòa; do đó cần thiết phải giới hạn lại căn cứ đình chỉ để bảo đảm hơn lợi ích chủ thể liên quan.

Căn cứ quy định khoản 1 Điều 196 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì trong ba ngày kể từ lúc vụ án được thụ lý, Tòa án sẽ gửi thông báo đến các bên có liên quan để cho biết về việc Tòa án đã thụ lý vụ tranh chấp. Điều này có nghĩa là trước khi phiên toà sơ thẩm được bắt đầu bên còn lại trong thoả thuận trọng tài sẽ biết hoặc phải biết về việc Tòa án đã thụ lý vụ tranh chấp, do đó trước khi phiên toà được diễn ra mà bên này lại để mặc và không phản đối gì thì họ được xem là có lỗi trong việc không thực hiện quyền phản đối của mình. Vậy nên, việc bên này bị tước quyền yêu cầu thay đổi cơ quan tố tụng được xem là hợp lý. Vì lẽ đó, căn cứ được ghi nhận trong pháp luật nước ngoài được xem là phù hợp và Việt Nam cần kế thừa. Sự cứng nhắc trong quy định chuyển quyền xét xử của Việt Nam còn thể hiện qua phương diện chủ thể. Theo đó, điểm b khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP quy định việc chuyển vụ tranh chấp sang giải quyết tại Trọng tài sẽ được áp dụng khi Tòa án “phát hiện” đã có thoả thuận trọng tài. Từ “phát hiện” ở đây hàm chứa cả việc Tòa án nhận thức được sự tồn tại của thoả thuận trọng tài thông qua yêu cầu của một bên hoặc tự bản thân Tòa án biết về vấn đề đó. Đối chiếu với các hệ thống pháp lý nước ngoài được phân tích, việc chuyển vụ tranh chấp chỉ khả thi khi có yêu cầu từ một bên trong thoả thuận trọng tài, tức là Tòa án không thể tự mình thực hiện việc chuyển vụ tranh chấp. Thấy rằng, pháp luật nước ngoài cho thấy sự tôn trọng hơn nguyên tắc tự định đoạt giữa các bên tham gia, bởi lẽ họ sẽ là chủ thể duy nhất quyết định có thực hiện chuyển vụ tranh chấp hay không; nguyên tắc tự định đoạt này cũng phản ánh rõ thể hiện qua Bản án ngày 28/3/2000 của Tòa án tối cao Ấn Độ giải quyết tranh chấp giữa Anand Gajapati Raju and Others với P.V.G. Raju (Dead) and Others theo đó nếu một bên bị Tòa án tước quyền chuyển vụ tranh chấp nhưng lại yêu cầu quyền này mà bên còn lại không phản đối (đã ưng thuận) thì yêu cầu trên vẫn sẽ được chấp nhận. Nguyên tắc tôn trọng quyền tự định đoạt đã được ghi nhận cụ thể trong khoản 1 Điều 4 Luật Trọng tài thương mại năm 2010 của Việt Nam tuy nhiên pháp luật nước ta lại chưa phát huy

hiệu quả nguyên tắc này, vì lẽ đó qua tham khảo quy định nước ngoài cần có sự chuẩn hoá hơn pháp luật nội địa, chỉ cho phép chuyển tranh chấp khi có yêu cầu từ một bên. Ngoài ra, việc chỉ cho phép chuyển tranh chấp khi có yêu cầu từ một bên cũng sẽ hỗ trợ quá trình tố tụng diễn ra nhanh chóng; do Toà án đã nắm bắt được các thông tin trước đó vậy nên nếu không bên nào yêu cầu chuyển vụ tranh chấp, việc tiếp tục xét xử của họ sẽ cho ra kết quả nhanh hơn khi chuyển qua giải quyết lại từ đầu tại Trọng tài.

Thứ ba, cụ thể hơn tài liệu phải cung cấp khi chuyển tranh chấp từ Toà án sang Trọng tài

Điều 6 Luật Trọng tài thương mại năm 2010 chỉ dừng lại ở việc miêu tả các điều kiện làm phát sinh quyền chuyển tranh chấp từ Toà án sang Trọng tài chứ chưa ghi nhận rõ công việc mà các bên tham gia hay cơ quan tài phán phải thực hiện. Với vai trò là văn bản quy định chi tiết Luật Trọng tài thương mại năm 2010, Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP đã minh thị hơn nội dung này; theo đó, trường hợp tiếp nhận yêu cầu khởi kiện đối với những tranh chấp phát sinh trong lĩnh vực Trọng tài, Toà án “*phải kiểm tra, xem xét các tài liệu gửi kèm theo đơn khởi kiện*”. Văn bản này đã cơ bản trả lời được câu hỏi đầu tiên về những việc mà cơ quan tài phán phải làm khi tiến hành chuyển vụ tranh chấp; dù vậy tính chất quy định lại quá chung chung, không cho thấy cụ thể tài liệu mà Toà án phải kiểm tra, xem xét nhằm xác minh sự tồn tại của thoả thuận trọng tài là gì.

Tình trạng trên vô hình trung gây thiếu tính thống nhất trong thực thi pháp luật⁹, do mỗi Thẩm phán sẽ có quan điểm khác nhau, để xác định đã có thoả thuận trọng tài nhằm phát sinh quyền chuyển vụ tranh chấp thì chỉ cần nộp bản sao thoả thuận trọng tài hay phải nộp cả bản gốc? Việc quy định cụ thể vấn đề này ngoài xác định được phạm vi tài liệu mà Toà án phải nghiên cứu cũng đồng thời cho biết những gì mà các bên tham gia cần cung cấp để chuyển vụ tranh chấp. Liên quan đến vấn đề trên khoản 2 Điều 8 Đạo luật Trọng tài và Hoà giải năm 1996 sửa đổi năm 2015 của Ấn Độ quy định “*Đơn được để cập tại khoản 1 sẽ không thể xử lý trừ trường hợp nó được đính kèm bản gốc thoả thuận trọng tài hoặc bản sao chứng thực hợp lệ*”. Có thể thấy văn bản này đã giải quyết được hạn chế của Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP thông qua ghi nhận cụ thể tài liệu mà một bên phải trình tương ứng với tài liệu mà Toà án phải kiểm tra nhằm xác định điều kiện chuyển vụ tranh chấp, đó là “bản gốc thoả thuận trọng tài” hoặc “bản sao chứng thực hợp lệ”. Bản gốc thoả thuận trọng tài là văn bản minh thị rõ nhất sự thống nhất về mặt ý chí của các bên trong việc đem vụ tranh

chấp ra giải quyết tại Trọng tài do đó đây là căn cứ đủ để Toà án xem xét chuyển vụ tranh chấp. Ngoài ra với bản sao chứng thực hợp lệ theo khoản 2 Điều 3 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch thì bản sao khi được chứng thực hợp lệ từ bản chính sẽ có giá trị sử dụng thay cho bản chính. Vì lẽ đó, từ góc độ pháp luật Việt Nam quy định cho phép nộp bản gốc hoặc bản sao chứng thực hợp lệ như quy định của Ấn Độ là hoàn toàn hợp lý. Đáng chú ý là, khoản 2 Điều 2 Đạo luật Trọng tài và Hoà giải năm 1996 sửa đổi năm 2015 còn ghi nhận “*Nếu bản gốc thoả thuận trọng tài hoặc bản sao chứng thực hợp lệ không được giữ bởi bên có yêu cầu chuyển tranh chấp theo khoản 1 và thoả thuận được để cập hoặc bản sao chứng thực hợp lệ bị giữ bởi bên còn lại thì bên nộp đơn chuyển tranh chấp sẽ nộp đơn này cùng với bản sao thoả thuận trọng tài, đồng thời kiến nghị Toà án yêu cầu bên còn lại trình bản gốc thoả thuận trọng tài hoặc bản sao chứng thực hợp lệ trước Toà*”. Quy định này thể hiện tính trừ bì cao của văn bản pháp lý, nó giúp cơ quan tài phán giải quyết hiệu quả trường hợp một bên không thể trình bản gốc thoả thuận trọng tài hoặc bản sao chứng thực hợp lệ xuất phát từ nguyên nhân khách quan (tài liệu trên bị giữ bởi bên khởi kiện tại Toà án). Việc này đồng thời bảo đảm quyền lợi tốt nhất cho các bên tham gia bởi nó không tước đi quyền chuyển vụ tranh chấp một cách cứng nhắc mà ngược lại Toà án sẽ hỗ trợ họ trong việc tìm kiếm chứng cứ từ bên cầm giữ, người yêu cầu chỉ cần cho thấy sự hiện hữu của thoả thuận trọng tài qua bản sao mà thôi. Theo GS.TS Trần Ngọc Đường với vai trò là công cụ hỗ trợ Nhà nước quản lý, định hướng nền kinh tế pháp luật phải bảo đảm dự liệu trước những trường hợp có thể phát sinh trên thực tế; tránh để xảy ra tình trạng có bất cập rồi mới quay lại nghiên cứu, xây dựng quy định¹⁰. Kế thừa tinh thần đó, pháp luật trọng tài Việt Nam cần tiếp thu trọn vẹn quy định khoản 2 Điều 2 Đạo luật Trọng tài và Hoà giải năm 1996 sửa đổi năm 2015, dự liệu trước những khó khăn mà các bên có thể gặp phải khi yêu cầu chuyển vụ tranh chấp.

KẾT LUẬN

Qua phân tích kinh nghiệm quốc tế về mối liên hệ giữa thoả thuận trọng tài và yêu cầu khởi kiện tại Toà án, hạn chế của Luật Trọng tài thương mại năm 2010 và các văn bản liên quan đã được làm rõ. Nhằm khắc phục tình trạng này trước hết Điều 6 Luật Trọng tài thương mại năm 2010 cần sửa đổi như sau “Trong trường hợp các bên tranh chấp đã có thoả thuận trọng tài mà một bên khởi kiện tại Toà án thì Toà án phải chuyển các bên sang Trọng tài nếu một bên yêu cầu

việc này trước khi phiên toà bắt đầu, trừ trường hợp thoả thuận trọng tài vô hiệu hoặc thoả thuận trọng tài không thể thực hiện được”. Tiếp theo những quy định có liên quan đến việc chuyển tranh chấp từ Tòa án sang Trọng tài tại Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP cũng phải được điều chỉnh một cách đồng bộ. Theo đó, điểm b khoản 2 Điều 2 văn bản này cần thay cụm từ “phát hiện vụ tranh chấp đã có thoả thuận trọng tài” thành “nhận được yêu cầu chuyển vụ tranh chấp do có thoả thuận trọng tài”, cụm từ “trả lại đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện cho người khởi kiện” thành “chuyển đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện cho Trọng tài có thẩm quyền”; đồng thời giới hạn lại thời điểm phát sinh quyền chuyển vụ tranh chấp phải từ trước khi phiên toà diễn ra. Nhằm bảo đảm tính thống nhất trong hệ thống pháp luật, điểm d khoản 1 Điều 192, điểm g khoản 1 và khoản 3 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 cũng cần thay cụm từ “trả lại đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ kèm theo cho đương sự” thành “chuyển đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện cho Trọng tài có thẩm quyền”. Việc sửa đổi trên giúp nâng cao quyền tự định đoạt giữa các bên cũng như hỗ trợ quá trình giải quyết tranh chấp được hiệu quả. Từ những kinh nghiệm quốc tế chất lọc được, Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP cũng nên xem xét, cụ thể hoá tài liệu mà bên có yêu cầu chuyển vụ tranh chấp phải nộp kèm theo đơn yêu cầu của họ. Về nội dung này có thể kế thừa quy định khoản 2 Điều 8 Đạo luật Trọng tài và Hoà giải năm 1996 sửa đổi năm 2015 của Ấn Độ bởi tính dự liệu cao. Hy vọng với những đóng góp của bài viết, pháp luật trọng tài Việt Nam sẽ được sửa đổi phù hợp, từ đó triển khai hiệu quả Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khoá XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Luật mẫu UNCITRAL: Luật mẫu UNCITRAL về Trọng tài thương mại quốc tế

Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP: Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP ngày 20/3/2014 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn thi hành một số quy định Luật Trọng tài thương mại

XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Tác giả xin cam đoan rằng không có bất kì xung đột lợi ích nào trong công bố bài báo

ĐÓNG GÓP CỦA TÁC GIẢ

Tác giả Nguyễn Minh Phú chịu trách nhiệm toàn bộ nội dung bài viết.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đại VĐ. Phương thức giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài trong bối cảnh hội nhập quốc tế. Hà Nội: Nhà xuất bản Hồng Đức; 2022. p. 381.
- Thirgood R. International Arbitration: The Justice Business. Journal of International Arbitration. 2004;21:341–354.
- Supreme Court of India. P. ANAND GAJAPATHI RAJU AND ORS. vs. P.V.G. RAJU (DIED) AND ORS. Digital Supreme Court Reports. 2000;2:684–687.
- Singhania, Partners. Section 8 Of The Arbitration And Conciliation Act, 1996: A Saving Beacon [Online] (truy cập ngày 26/12/2024). 2016;Available from: <https://www.mondaq.com/advicecentre/content/2786/section-8-of-the-arbitration-and-conciliation-act-1996-a-saving-beacon>.
- Wadhwa DP, Pal R. Case Law Analysis: P. Anand Gajapathi Raju & Ors. v. P.V.G Raju [Online], (truy cập ngày 26/12/2024). 2021;Available from: <https://lexpeeps.in/case-law-analysis-p-anand-gajapathi-raju-ors-v-p-v-g-raju/>.
- Goel S. 'First Statement on the Substance of the Dispute': Section 8 of the Arbitration & Conciliation Act, 1996 [Online], (truy cập ngày 31/12/2024). 2019;Available from: https://papers.ssrn.com/sol3/papers.cfm?abstract_id=3371393.
- Datta S. Delhi High Court sets limitation for filing an application under Section 8 of the Act in civil and commercial suits [Online] (truy cập ngày 31/12/2024). 2020;Available from: <https://www.amsshardul.com/wp-content/uploads/2020/04/Alert-Arbitration-Issue-46-March-2020.pdf>.
- Huyền BT. Bình luận khoa học Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hà Nội: Nhà xuất bản Lao động; 2016. p. 297.
- Dũng LV. Hoàn thiện hệ thống pháp luật trong giai đoạn mới [Online] (truy cập ngày 1/7/2025). 2023;Available from: <https://danchuphapluat.vn/hoan-thien-he-thong-phap-luat-trong-giai-doan-moi>.
- Đường TN. Phát huy vai trò của pháp luật trong góp phần phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta [Online], (truy cập ngày 06/02/2023). 2017;Available from: <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/ngheien-cu/-/2018/47975/pha-t-huy-vai-tro-cua-phap-luat-trong-gop-phan-pha-t-trien-nen-kinh-te-thi-truong-dinh-huong-xa-hoi-chu-nghia-o-nuoc-ta.aspx>.



Perfecting courts' refusal to accept cases in which there is an arbitration agreement from international experience

Nguyen Minh Phu



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

ABSTRACT

Resolution No. 27-NQ/TW dated 09/11/2022 of the 13th Central Committee of the Communist Party of Vietnam on continuing to build and perfect the Vietnamese socialist rule of law State in the new period required 'Building a professional, modern, fair, strict, and honest judiciary that serves the Fatherland and the People', namely stressed the continuity of a social fundraising mechanism to develop Arbitration, as well as the reinforcement of Arbitrators in both quantity and quality. To achieve this aim, Arbitration Law shall effectively resolve the problems arising from the procedure and be predictable in the application. By 17/6/2010, the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam enacted Law on Commercial Arbitration 2010, which was the first time the rules of Arbitration had been officially legislated—a momentous milestone. At that time, the Law on Commercial Arbitration 2010 showed more advantages than the Ordinance on Commercial Arbitration 2003 such as more properly determining Arbitration's jurisdiction to settle disputes, legal repercussions of Arbitration ruling, and more unequivocally, specifically prescribing the Court's aids to Arbitral proceedings. Nonetheless, after more than a decade of application, the Law on Commercial Arbitration 2010 exposes shortcomings, especially concerning courts' refusal to accept cases with an arbitration agreement. Thanks to a deep understanding of that phenomenon, by 03/6/2024, the Vietnam Lawyers Association submitted to the Government Statement No. 186/TTr-HLGVN on building Law, amending and supplementing a number of articles of Law on Commercial Arbitration. With a desire to help the Vietnam Lawyers Association to comprehensively repair the Law on Commercial Arbitration, and efficiently render the Resolution No. 27-NQ/TW, this article analyzes Courts' refusal to accept cases in which there is an arbitration agreement in UNCITRAL Model Law, laws of India, China, Germany; therefore, it filters advanced norms and gives the suggestion for improvement.

Key words: arbitration agreement, substantive claim before the court, Model Law.

Can Tho City Institute for
Socio-Economic Development Studies,
Vietnam

Email: nmphu080301@gmail.com

History

- Received: 05-8-2024
- Revised: 22-03-2025
- Accepted: 17-4-2025
- Published Online: 23-9-2025

DOI :

<https://doi.org/10.32508/stdjelm.v9i3.1455>



Copyright

© VNUHCM Press. This is an open-access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



Cite this article : Phu N M. Perfecting courts' refusal to accept cases in which there is an arbitration agreement from international experience . *Sci. Tech. Dev. J. - Eco. Law Manag.* 2025; 9(3):6226-6233.